

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH
KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY
31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Thắng	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Ủy viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2013

01001
CH
C
TRÁCH
DE
VI
TN 1-

Số: 0238/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2013, từ trang 3 đến trang 37. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.189.828.581.077	1.457.111.264.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	443.037.391.545	586.256.079.122
1. Tiền	111		365.037.391.545	347.310.623.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	238.945.455.980
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		68.900.000.000	108.510.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	68.900.000.000	108.510.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		529.046.716.511	628.334.461.903
1. Phải thu khách hàng	131		498.222.792.381	549.002.537.805
2. Trả trước cho người bán	132		11.246.322.385	44.940.153.418
3. Các khoản phải thu khác	135	7	25.788.437.105	39.117.042.603
4. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.210.835.360)	(4.725.271.923)
IV. Hàng tồn kho	140		123.513.687.406	75.337.266.178
1. Hàng tồn kho	141	8	123.513.687.406	75.337.266.178
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.330.785.615	58.673.457.159
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.463.596.523	16.249.962.681
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.220.764.067	25.205.170.895
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.082.821	4.041.211.611
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.644.342.204	13.177.111.972
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		1.731.513.185.228	1.819.364.508.121
I. Các khoản phải thu dài hạn (210=218)	210		-	4.271.313.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		-	4.271.313.000
II. Tài sản cố định	220		1.074.153.432.672	1.193.337.526.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	839.875.115.186	900.426.074.091
- Nguyên giá	222		1.346.196.852.569	1.223.076.050.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(506.321.737.383)	(322.649.976.429)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	171.444.164.015	217.309.123.704
- Nguyên giá	225		233.414.964.033	233.362.226.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(61.970.800.018)	(16.053.103.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	33.726.208.601	34.190.591.902
- Nguyên giá	228		36.004.517.462	35.868.474.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.278.308.861)	(1.677.882.560)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	29.107.944.870	41.411.736.686
III. Bất động sản đầu tư	240	13	762.243.170	-
- Nguyên giá	241		5.653.026.713	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.890.783.543)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		93.792.040.997	100.592.684.659
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	14.200.693.842	60.592.684.659
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	110.000.000.000	40.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(30.408.652.845)	-
V. Lợi thế thương mại	260	17	17.896.602.910	23.403.249.959
VI. Tài sản dài hạn khác	270		544.908.865.479	497.759.734.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	18	520.790.000.104	481.251.647.876
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	3.420.466.131	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		20.698.399.244	16.508.086.244
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		2.921.341.766.305	3.276.475.772.483



202
 IH
 Y
 JUN
 TE
 M
 CY

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012


Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.888.386.218.276	2.309.023.437.428
I. Nợ ngắn hạn	310		1.396.884.180.811	1.542.184.303.370
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	451.274.471.753	372.992.322.969
2. Phải trả người bán	312		839.772.121.469	1.017.796.708.453
3. Người mua trả tiền trước	313		936.485.680	2.680.640.299
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	27.926.748.400	13.455.790.479
5. Phải trả người lao động	315		22.035.290.575	22.008.774.032
6. Chi phí phải trả	316	22	18.861.514.099	22.045.662.630
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	22.438.319.770	83.437.876.227
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.639.229.065	7.766.528.281
II. Nợ dài hạn	330		491.502.037.465	766.839.134.058
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	159.009.870.154	158.944.937.604
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	324.844.131.004	605.990.998.870
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		693.588.668	1.903.197.584
4. Quỹ phát triển khoa học kỹ thuật	339		6.954.447.639	-
B. NGUỒN VỐN (400 = 410+430)	400		810.368.084.175	737.546.809.021
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	810.368.084.175	737.111.809.021
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.150.397.684	46.199.153.910
3. Vốn khác thuộc chủ sở hữu	413		5.846.098.031	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		173.944.441.032	127.680.964.804
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		38.787.923.044	25.876.541.443
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		165.639.224.384	157.355.148.864
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	435.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		-	435.000.000
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	222.587.463.854	229.905.526.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		2.921.341.766.305	3.276.475.772.483

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - Kg)		1.108.431	244.511
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		323.326	717.032
- Euro		1.122	91


 Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu
 Ngày 28 tháng 2 năm 2013


 Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Nhuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	6.441.716.178.351	5.807.488.499.931
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		66.777.173.218	43.322.664.729
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6.374.939.005.133	5.764.165.835.202
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	5.390.866.557.226	4.803.210.342.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		984.072.447.907	960.955.492.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	40.301.377.633	48.871.370.759
7. Chi phí tài chính	22	33	145.368.245.550	134.321.388.500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		117.545.628.974	122.025.373.076
8. Chi phí bán hàng	24		508.966.132.272	374.117.741.462
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		133.528.906.727	120.895.705.436
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		236.510.540.991	380.492.028.281
11. Thu nhập khác	31		44.752.400.449	34.224.400.933
12. Chi phí khác	32		26.369.473.690	21.486.099.274
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	18.382.926.759	12.738.301.659
14. Lợi nhuận từ đầu tư vào công ty liên kết	45		171.469.414	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		255.064.937.164	393.230.329.940
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	46.694.986.009	50.374.850.228
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	(3.420.466.131)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		211.790.417.286	342.855.479.712
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		27	60.511.493.711	104.395.801.875
- Cổ đông của Công ty			151.278.923.575	238.459.677.837
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	3.981	6.518



Lưu Trọng Nghĩa
 Người lập biểu
 Ngày 28 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Đăng Trình
 Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhậm
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	255.064.937.164	393.230.329.940
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	263.072.058.646	190.862.347.821
- Các khoản dự phòng	03	27.756.317.487	17.774.726
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	560.034.544
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.208.043.976)	41.370.259.771
- Chi phí lãi vay	06	117.545.628.974	122.025.373.076
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	625.230.898.295	748.066.119.878
- Thay đổi các khoản phải thu	09	104.458.994.884	(112.907.638.323)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(48.347.303.500)	59.901.539.567
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(228.994.840.342)	104.998.840.442
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(28.359.785.431)	(138.032.741.466)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(123.772.328.407)	(105.710.892.142)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.480.019.014)	(74.148.696.643)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.918.784.363	435.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(511.248.878)	(65.773.164.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	278.143.151.970	416.828.367.133
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(124.916.010.319)	(493.690.538.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	18.336.869.538	12.405.736.608
3. Tiền chi cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23	(19.840.000.000)	-
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư tài chính dài hạn	24	40.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(164.160.858.876)
6. Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức được chia	26	45.778.875.045	33.201.670.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.640.265.736)	(612.243.990.167)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	264.989.004.212
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	600.288.516.127	843.133.391.805
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(765.236.220.894)	(557.460.833.171)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(40.014.456.444)	(35.841.449.861)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(175.759.412.600)	(83.126.502.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(380.721.573.811)	431.693.610.608
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(143.218.687.577)	236.277.987.574
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	586.256.079.122	349.978.091.548
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	443.037.391.545	586.256.079.122



2500
 T NH
 ONG
 NHIM
 LOI
 T N
 TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND


Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 37.578.270.197 đồng (năm 2011: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác mà đã được trả trước cho người bán trong năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 17.590.592.639 đồng (năm 2011: 20.908.599.431 đồng), là số tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 4.041.180.116 đồng (năm 2011: 11.462.087.308 đồng), là số tiền lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.247.806.594 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lưu Trọng Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con:

Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh với vốn điều lệ là 158.756.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi ngày 24 tháng 2 năm 2011 với vốn điều lệ Công ty được điều chỉnh là 380.000.000.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty mẹ có các chi nhánh tại Cần Thơ, Nha Trang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Cà Mau, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Ninh Thuận và Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 319 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ gồm:

Mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “CNG”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 70.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.
2. Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “VT GAS”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm kể từ ngày 4 tháng 3 năm 1994 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp theo như điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam là tồn trữ khí hóa lỏng (LPG) và cung ứng cho các hộ tiêu thụ tại Việt Nam; thiết kế, lắp đặt và bảo trì các hệ thống thiết bị sử dụng LPG.
3. Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông (sau đây gọi tắt là “PV GAS SAIGON”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311024733 ngày 28 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông là mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính Công ty); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

236-C
CY
N
NH
ÔNG
AM
CHÍNH

C.T. T
HẠN
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	3 - 4

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Lãi thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty trong trường hợp bên thuê có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê, hoặc trên thời gian đi thuê trong trường hợp thời gian này ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính theo chính sách kế toán của Công ty, cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	3 - 6

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền thuê, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và giá trị quyền thuê. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư này được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng và vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 14 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, chi phí bảo trì bình gas, khoản trả trước tiền thuê đất và quyền lợi thế thuê đất, thuê văn phòng, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và chi phí bảo trì bình gas

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Chi phí bảo trì bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 18 tháng.

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng

Tiền thuê đất, quyền lợi thế thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Giá trị còn lại của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền đặt cọc còn lại chưa phân bổ vào doanh thu được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán.

K.Đ.Đ
K
KH
A
VN
01125
CHI M
CÔN
CH NH
JELC
VIỆT
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng thôi việc phải trả

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng

3050
CÔNG
CỔ P
NH D
HÓA
LIÊN
TP.

00-00
HÁNH
G TY
M HỮU
ITT
NAM
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	10.619.731.492	7.857.891.384
Tiền gửi ngân hàng	354.417.660.053	339.018.315.616
Tiền đang chuyển	-	434.416.142
Các khoản tương đương tiền	78.000.000.000	238.945.455.980
	443.037.391.545	586.256.079.122

Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Phan Đình Phùng đã phong tỏa số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty ở Ngân hàng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 10 tỷ đồng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 1607LAV201000261 ngày 6 tháng 4 năm 2010 và hợp đồng tín dụng số 1607LAV201000751 ngày 29 tháng 9 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10 tỷ đồng) (xem Thuyết minh số 25) và 1.257.160.000 đồng để đảm bảo cho L/C số 1607 ILS 110700009 ngày 27 tháng 7 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm là 9% (năm 2011: 0,5% đến 14%).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền cho đại lý vay	500.000.000	-
Cổ phiếu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.100.000.000	3.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	65.300.000.000	105.960.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(550.000.000)
	<u>68.900.000.000</u>	<u>108.510.000.000</u>

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền bằng đồng Việt Nam cho đại lý vay đáo hạn vào năm 2013, với lãi suất được hưởng hàng năm là 20,4%; các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến một năm với lãi suất được hưởng hàng năm từ 8% đến 11% (năm 2011: 14%) và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần với giá mua là 31.000 đồng/cổ phiếu.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho vay bằng hàng hóa	-	5.615.654.018
Lãi tiền gửi phải thu	4.041.180.116	11.462.087.308
Góp vốn hợp tác xây văn phòng	11.374.000.000	11.374.000.000
Phải thu khác	10.373.256.989	10.665.301.277
	<u>25.788.437.105</u>	<u>39.117.042.603</u>

Đây là khoản góp vốn của Công ty với Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam để thực hiện dự án văn phòng làm việc tại Vũng Tàu. Mọi quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan đến dự án sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giá trị góp vốn bằng tiền sau khi dự án hoàn thành.. Dự kiến việc xây dựng văn phòng sẽ hoàn tất vào năm 2013

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	24.239.996.690	29.380.381.716
Nguyên liệu, vật liệu	27.378.458.649	16.358.718.448
Công cụ, dụng cụ	22.423.982.577	1.137.830.640
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.698.733	21.302.793
Thành phẩm	1.825.467.666	1.015.484.868
Hàng hóa	47.563.083.091	27.423.547.713
	<u>123.513.687.406</u>	<u>75.337.266.178</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
Tại ngày 1/1/2012	353.996.594.465	563.816.514.593	270.466.720.206	11.293.338.668	23.502.882.588	1.223.076.050.520
Mua sắm mới	8.261.864.196	15.569.748.752	28.249.342.727	1.328.081.829	55.350.000	53.464.387.504
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.842.982.664	93.945.582.933	709.090.909	-	-	118.497.656.506
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(5.653.026.713)	-	-	-	-	(5.653.026.713)
Phân loại lại từ chi phí trả trước/hàng tồn kho	1.182.882.293	2.420.078.760	-	170.882.272	-	3.773.843.325
Phân loại lại giữa các loại tài sản	(21.794.893.236)	21.794.893.236	-	-	-	-
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(992.407.204)	-	-	-	(992.407.204)
Thanh lý	(1.054.228.246)	(19.150.812.930)	(133.236.687)	-	-	(20.338.277.863)
Giảm khác	(10.637.829.199)	(3.181.715.395)	(10.525.388.608)	(1.153.068.094)	(133.372.210)	(25.631.373.506)
Tại ngày 31/12/2012	348.144.346.224	674.221.882.745	288.766.528.547	11.639.234.675	23.424.860.378	1.346.196.852.569

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2012	70.565.209.317	128.555.078.189	98.501.400.331	7.482.263.526	17.546.025.066	322.649.976.429
Khấu hao trong năm	24.040.402.506	115.855.610.248	72.627.772.092	1.633.576.542	1.718.210.996	215.875.572.384
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(4.212.420.328)	-	-	-	-	(4.212.420.328)
Phân loại lại từ chi phí trả trước	(1.846.561.616)	188.228.348	-	-	-	188.228.348
Phân loại lại giữa các loại tài sản	-	1.846.561.616	-	-	-	-
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(332.321.885)	(1.995.381.977)	(74.887.932)	-	-	(367.558.223)
Thanh lý	(10.415.925.125)	(3.181.715.395)	(10.525.388.608)	(1.153.068.094)	(133.372.211)	(25.409.469.433)
Giảm khác	77.798.382.869	240.900.822.806	160.528.895.883	7.962.771.974	19.130.863.851	506.321.737.383
Tại ngày 31/12/2012	270.345.963.355	433.321.059.939	128.237.632.664	3.676.462.701	4.293.996.527	839.875.115.186

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2012	283.431.385.148	435.261.436.404	171.965.319.875	3.811.075.142	5.956.857.522	900.426.074.091
Tại ngày 31/12/2011						

Như trình bày tại các Thuyết minh số 20 và số 25, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 412.884.826.211 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2011: 433.437.291.896 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Đại Dương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 61.051.025.397 đồng (năm 2011: 59.324.497.904 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	231.840.991.977	1.521.235.000	233.362.226.977
Tăng trong năm	52.737.056	-	52.737.056
Tại ngày 31/12/2012	231.893.729.033	1.521.235.000	233.414.964.033
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	14.940.035.187	1.113.068.086	16.053.103.273
Khấu hao trong năm	45.664.157.583	253.539.162	45.917.696.745
Tại ngày 31/12/2012	60.604.192.770	1.366.607.248	61.970.800.018
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	171.289.536.263	154.627.752	171.444.164.015
Tại ngày 31/12/2011	216.900.956.790	408.166.914	217.309.123.704

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Giá trị quyền thuê VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	28.778.156.884	1.464.370.376	1.337.939.956	4.288.007.246	35.868.474.462
Mua sắm mới	-	-	136.043.000	-	136.043.000
Tại ngày 31/12/2012	28.778.156.884	1.464.370.376	1.473.982.956	4.288.007.246	36.004.517.462
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	289.987.380	241.874.797	1.146.020.383	-	1.677.882.560
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	94.363.040	-	600.426.301
Tại ngày 31/12/2012	633.342.821	404.582.617	1.240.383.423	-	2.278.308.861
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	28.144.814.063	1.059.787.759	233.599.533	4.288.007.246	33.726.208.601
Tại ngày 31/12/2011	28.488.169.504	1.222.495.579	191.919.573	4.288.007.246	34.190.591.902

Quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá là 14.732.784.206 đồng và quyền sử dụng đất có thời hạn là 38 năm và 50 năm với nguyên giá là 14.045.372.678 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.036.774.678 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.036.774.678 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 153.10.105658917 HĐTH ngày 28 tháng 6 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.090.313.088 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.090.313.088 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự án cung cấp CNG cho phương tiện giao thông vận tải	4.948.923.438	25.661.890.531
Dự án cung cấp CNG cho Khách hàng Công nghiệp	1.666.235.616	302.521.955
Công trình cải tạo trạm chiết Dakgas	5.958.020.375	-
Thuê đất ở KCN Hiệp Phước, Bắc Đồng Phú và Nhơn Hội	-	3.724.020.749
Trạm chiết nạp LPG Bình Định	-	10.293.230.981
Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.218	-
Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh	-	596.732.240
Dự án CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	-	753.653.909
Dự án cấp khí bằng đường ống	5.361.073.880	-
Trạm chiết nạp LPG Quảng Ngãi	2.860.940.910	-
Công trình khác	5.344.693.433	79.686.321
	29.107.944.870	41.411.736.686

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2012	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	5.653.026.713
Tại ngày 31/12/2012	5.653.026.713
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2012	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	4.212.420.327
Khấu hao trong năm	678.363.216
Tại ngày 31/12/2012	4.890.783.543
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	762.243.170
Tại ngày 31/12/2011	-

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 5 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	57,47%	57,47%	Kinh doanh khí CNG
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	55%	55%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	14.307.460.000	64.307.460.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(106.766.158)	(3.714.775.341)
	14.200.693.842	60.592.684.659

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>Hoạt động chính</u>
	<u>đồng</u>	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	20%	20%	14.307.460.000	Sản xuất, kinh doanh vỏ bình

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Bình khí dầu khí Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2010 về việc thống nhất thành lập công ty cổ phần, tổng số vốn Công ty cam kết góp là 14.307.460.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ vốn.

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	60.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny (2)	50.000.000.000	-
	110.000.000.000	40.000.000.000

(1) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện số tiền của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, Công ty con, ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ("PVFC Sài Gòn") theo hợp đồng số 43/2012/UTC/V/CNGVN-PVFCSG ngày 26/4/2012 với thời hạn 24 tháng. Khoản tiền này được hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng đối với các tổ chức kinh tế của PVFC Sài Gòn tại thời điểm ủy thác và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Hợp đồng tiền gửi này được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty mẹ, tại PVFC Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 79/2012/HDTD-PVFCSG-PVGASSOUTH ngày 27/4/2012 (xem Thuyết minh số 25).

(2) Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>Hoạt động chính</u>
	<u>đồng</u>	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	50.000.000.000	Cho thuê kho LPG

Theo Quyết định góp vốn số 01/QĐ-KMN ngày 24 tháng 3 năm 2009, tổng số vốn Công ty cam kết góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny là 50 tỷ đồng theo tiến độ thời gian là 3 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp đủ số vốn góp đã cam kết.

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tăng vốn điều lệ nên tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 14% (năm 2011: 23,84%). Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny được xem là khoản đầu tư dài hạn khác thay vì là đầu tư vào công ty liên kết như năm trước. Theo đó, khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny. Chi tiết như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư
tài chính dài hạn
VND

Tại ngày 1/1/2012
Trích lập dự phòng trong năm
Tại ngày 31/12/2012

-
30.408.652.845
30.408.652.845

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế
thương mại
VND

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012

27.533.235.246

GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2012

4.129.985.287

Phân bổ trong năm

5.506.647.049

Tại ngày 31/12/2012

9.636.632.336**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2012

17.896.602.910

Tại ngày 31/12/2011

23.403.249.959**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

31/12/2012

31/12/2011

VND**VND**

Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)

405.783.427.399

373.359.499.416

Chi phí bảo trì bình gas

5.893.733.926

3.854.720.778

Trả trước tiền thuê đất dài hạn và lợi thế sử dụng đất (2)

28.904.627.129

26.432.207.490

Chi phí cải tạo văn phòng

8.944.700.850

6.685.078.225

Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG

11.572.396.189

16.709.007.026

Trả trước tiền thuê văn phòng (3)

45.406.200.515

46.357.115.711

Chi phí khác

14.284.914.096

7.854.019.230

520.790.000.104**481.251.647.876**

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

2012

2011

VND**VND**

Tại ngày 1 tháng 1

373.359.499.416

252.466.881.499

Tăng thêm trong năm

103.744.521.717

174.676.381.976

Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh

(62.625.781.453)

(50.853.754.524)

Thanh lý

(8.694.812.281)

(2.930.009.535)

Tại ngày 31 tháng 12

405.783.427.399**373.359.499.416**

(2) Tiền thuê đất dài hạn và lợi thế sử dụng đất bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- Tiền thuê đất tại Gò Dầu, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 9.210 m² được trả trước 5 năm cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2008;
 - Tiền thuê đất tại Gò Dầu, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 2.270 m² được trả trước 2 năm cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai với thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2012;
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m² được trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008;
 - Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m² trả trước cho Công ty Xây dựng hạ tầng Khu Công Nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009; và
 - Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 13.000 m² đất cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053.
 - Tiền trả cho lợi thế sử dụng khu đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đề cập ở trên được phân bổ 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2012.
- (3) Tiền thuê văn phòng phản ánh số tiền thuê 670,02 m² được trả trước 50 năm cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2010.

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠIChi phí phải trả và
các khoản dự phòng
VND

Tại ngày 1/1/2012
Ghi tăng lợi nhuận
Tại ngày 31/12/2012

-
3.420.466.131
3.420.466.131

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (1)	18.600.000.000	-
Ngân Hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình (2)	50.000.000.000	-
với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	40.000.000.000	-
Ngân Hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (4)	10.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	101.301.311.006
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	291.235.207.459	232.561.551.559
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	41.439.264.294	39.129.460.404
	451.274.471.753	372.992.322.969

- (1) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo hợp đồng vay ngày 19 tháng 12 năm 2012 để đầu tư ba bồn chứa khí CNG composite. Khoản vay này đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 1%/năm đối với đồng Việt Nam. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay (xem Thuyết minh số 9).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- (2) Khoản vay từ Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Tân Bình theo hợp đồng tín dụng số 02112/TB-HĐTD ngày 27 tháng 9 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 21 tháng 11 năm 2012 đến ngày 21 tháng 2 năm 2013. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 12%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (3) Khoản vay từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0147/KH/12NH ngày 29 tháng 10 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 12 năm 2012 đến ngày 26 tháng 6 năm 2013. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 10%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của với Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng kể từ ngày thực tế rút vốn vay theo từng giấy nhận nợ. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- (4) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số HCM/2012/015/TTTD ngày 18 tháng 5 năm 2012. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 12 năm 2012 đến ngày 9 tháng 1 năm 2013. Đây là khoản vay theo hình thức tín chấp. Lãi suất kỳ đầu tiên là 14%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.858.916.107	1.829.232.738
Thuế xuất, nhập khẩu	40.000	13.932.245
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.179.595.350	10.763.319.610
Thuế thu nhập cá nhân	1.888.196.943	849.305.886
	27.926.748.400	13.455.790.479

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2011 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.829.232.738	1.201.952.967.266	(1.200.923.283.897)	2.858.916.107
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.073.575.061	(8.075.657.882)	(2.082.821)
Thuế nhập khẩu	13.932.245	1.140.276.172	(1.154.168.417)	40.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.964.628.355	46.694.986.009	(33.480.019.014)	23.179.595.350
Thuế thu nhập cá nhân	849.305.886	10.689.109.414	(9.650.218.357)	1.888.196.943
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	1.363.429.469	(1.363.429.469)	-
Tổng cộng	12.657.099.224	1.269.914.343.391	(1.254.646.777.036)	27.924.665.579
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	(798.691.255)			(2.082.821)
Thuế và các khoản phải trả Nhà Nước	13.455.790.479			27.926.748.400

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi tiền vay	11.661.487.348	17.888.186.781
Khác	7.200.026.751	4.157.475.849
	18.861.514.099	22.045.662.630

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	13.365.591.937	5.879.664.220
Kinh phí công đoàn	1.499.345.844	57.572.940
Bảo hiểm xã hội	25.141.532	6.394.153
Bảo hiểm y tế	71.648.954	34.807.855
Bảo hiểm thất nghiệp	181.814	11.788.107
Cổ tức phải trả	694.396.594	58.027.480.193
Nhận đặt cọc bình gas	2.125.012.596	-
Các khoản khác	4.657.000.499	19.420.168.759
	22.438.319.770	83.437.876.227

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	158.944.937.604	129.298.514.249
Tăng thêm trong năm	35.863.642.456	56.632.547.116
Kết chuyển vào doanh thu	(15.795.149.676)	(24.111.826.540)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ vỏ bình gas với khách hàng	(3.580.960.250)	(48.000.000)
Kết chuyển vào thu nhập khác	(16.422.599.980)	(2.826.297.221)
Tại ngày 31 tháng 12	159.009.870.154	158.944.937.604

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	175.000.000.000	225.000.000.000
PVFC- Chi nhánh Sài Gòn	200.000.000.000	264.453.640.204
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	28.443.740.793	56.699.769.980
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	121.077.559.790	162.217.101.970
Tổng các khoản vay dài hạn	524.521.300.583	708.370.512.154
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Sacombank	65.384.465.635	84.701.917.931
Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	27.567.735.349	36.997.242.227
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	36.598.588.969	43.141.187.529
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	3.446.512.221	4.471.150.992
Tổng các khoản nợ dài hạn	132.997.302.174	169.311.498.679
Vay dài hạn đến hạn trả	(291.235.207.459)	(232.561.551.559)
Nợ dài hạn đến hạn trả	(41.439.264.294)	(39.129.460.404)
Tổng công	324.844.131.004	605.990.998.870

Các khoản vay dài hạn

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay dài hạn từ các Ngân hàng Thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 496.077.559.790 đồng và 1.025.591 euro. Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay là từ 7,5% đến 15%/năm. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, các bồn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

chứa khí, rơ moóc và các kho chứa LPG tại Dung Quất, Gò Dầu. Một số khoản vay theo hình thức tín chấp. Một số khoản vay được thế chấp bằng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán (xem Thuyết minh số 5); nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc thiết bị (xem Thuyết minh số 9); quyền sử dụng đất tại Quảng Ngãi (xem Thuyết minh số 10), và Hợp đồng ủy thác quản lý vốn được ký giữa Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con) và PVFC - Chi nhánh Sài Gòn (xem Thuyết minh số 16).

Các khoản nợ dài hạn

Nợ dài hạn của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, công ty mẹ, bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê là 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Sacombank chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% - 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Á Châu cộng với 4,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê là 16,5% - 17%/năm. Lãi suất có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Tại ngày 29 tháng 7 năm 2011, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, công ty con, ký hợp đồng thuê năm (5) bồn chứa khí CNG composite với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với thời hạn là 36 tháng. Tổng số tiền thuê dự kiến là 42.674.535.360 đồng. Khoản thuê này chịu lãi suất theo lãi suất huy động bình quân của ba ngân hàng (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) cộng tỷ lệ phí thuê tài chính cố định 5%.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	291.235.207.459	232.561.551.559
Trong năm thứ hai	147.791.466.667	299.816.467.575
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	85.494.626.457	175.992.493.020
	524.521.300.583	708.370.512.154
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(291.235.207.459)	(232.561.551.559)
Số phải trả sau 12 tháng	233.286.093.124	475.808.960.595

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng 1 năm	58.704.828.156	65.745.653.751	41.439.264.294	39.129.460.404
Trong năm thứ 2	52.366.753.637	69.804.459.147	40.724.253.908	49.500.433.586
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	58.164.411.211	100.754.093.904	50.833.783.972	80.681.604.689
	169.235.993.004	236.304.206.802	132.997.302.174	169.311.498.679
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(36.238.690.830)	(66.992.708.123)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	132.997.302.174	169.311.498.679	132.997.302.174	169.311.498.679
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			(41.439.264.294)	(39.129.460.404)
Số phải trả sau 12 tháng			91.558.037.880	130.182.038.275

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012	31/12/2011
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	38.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	380.000.000.000	380.000.000.000

Cổ phiếu	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phần đó có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	134.000.000.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Cổ đông khác	246.000.000.000	64,74	246.000.000.000	64,74
	380.000.000.000	100	380.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

u 4, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
ành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 09-DN

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Nguồn vốn kinh doanh VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2011	158.756.000.000	2.454.149.698	-	104.188.557.128	13.022.716.368	72.217.850.209	350.639.273.403
Tăng vốn trong năm	221.244.000.000	43.745.004.212	-	-	-	-	264.989.004.212
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	238.459.677.837	238.459.677.837
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(125.753.213.403)	(125.753.213.403)
Phân phối quỹ	-	-	-	8.784.448.867	12.853.825.075	(60.003.200.266)	(38.364.926.324)
Điều chỉnh khác	-	-	-	14.707.958.809	-	32.434.034.487	47.141.993.296
Tại ngày 31/12/2011	380.000.000.000	46.199.153.910	-	127.680.964.804	25.876.541.443	157.355.148.864	737.111.809.021
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	151.278.923.575	151.278.923.575
Trả cổ tức cho cổ đông Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(41.800.000.000)	(41.800.000.000)
Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(68.607.926.682)	(68.607.926.682)
Phân phối quỹ	-	-	10.172.434.367	59.601.484.932	17.558.057.718	(87.331.977.017)	-
Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số	-	-	(4.326.336.336)	(13.338.008.704)	(4.646.676.117)	22.311.021.157	-
Điều chỉnh khác (*)	-	(48.756.226)	-	-	-	32.434.034.487	32.385.278.261
Tại ngày 31/12/2012	380.000.000.000	46.150.397.684	5.846.098.031	173.944.441.032	38.787.923.044	165.639.224.384	810.368.084.175

(*) Năm 2011, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Công ty con, tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối, khoản này được điều chỉnh qua lợi nhuận chưa phân phối khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã phê duyệt chia cổ tức của năm 2011 với tổng số tiền là 87,4 tỷ đồng. Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia số cổ tức này cho các cổ đông trong năm 2011 và năm 2012 theo các Nghị quyết số 10/NQ-KMN ngày 8 tháng 12 năm 2011 và Nghị quyết số 05/NQ-KMN ngày 15 tháng 5 năm 2012 lần lượt với số tiền là 45,6 tỷ đồng và 41,8 tỷ đồng. Cùng theo Nghị quyết số 01 này, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 29.084.181.832 đồng. Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 7.385.623.351 đồng. Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 16.871.370.118 đồng. và Quỹ thường Ban điều hành với số tiền là 200.000.000 đồng.

Công ty con - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Tại nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2011 của Đại hội Đồng cổ đông bất thường ngày 13 tháng 9 năm 2011, cổ đông Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên sau khi hoàn thành việc tạm ứng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu. Tỉ lệ phát hành không vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành (dự kiến tối đa 1.015.621 cổ phần). Số lượng cụ thể cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 1 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã phê duyệt phương án phát hành 1.015.600 cổ phần, tương đương 10.156.000.000 đồng. Đến ngày 20 tháng 2 năm 2012, số cổ phần phát hành thêm đã được cán bộ công nhân viên Công ty góp đủ. Vào ngày 15 tháng 3 năm 2012, số cổ phần tương ứng với phần vốn tăng thêm đã được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận nguyên tắc niêm yết bổ sung.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 6 tháng 4 năm 2012, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã chi trả cổ tức đợt 3 năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 45%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 95.974.371.000 đồng.

Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 19 tháng 8 năm 2012, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 31.991.457.000 đồng.

Trong năm, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã trích lập Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (Vốn khác thuộc chủ sở hữu), Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 10.172.434.367 đồng, 30.517.303.100 đồng, 10.172.434.367 đồng và 7.312.943.676 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 6 tháng 4 năm 2012.

Công ty con - Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam

Theo Quyết định của Hội đồng Thành viên ngày 24 tháng 2 năm 2012, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam đã công bố chia cổ tức với tổng số tiền là 50 tỷ đồng (năm 2011: 0 đồng), số cổ tức này đã được trả bằng tiền mặt trong năm. Ngoài ra, Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 3.777.002.359 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND
Vốn điều lệ của công ty con	57.895.360.840	213.276.380.000	100.000.000.000
Trong đó:			
Vốn phân bổ cho cổ đông của Công ty	31.843.596.851	122.573.643.296	100.000.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	26.051.763.989	90.702.736.704	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	45,00%	42,53%	-

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND	Tổng VND
Tài sản thuần				
Chi tiết như sau:				
Vốn điều lệ	57.895.360.840	213.276.380.000	100.000.000.000	371.171.740.840
Vốn thặng dư	-	1.695.680.000	-	1.695.680.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	32.991.866.474	-	-	32.991.866.474
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	10.172.434.367	-	10.172.434.367
Quỹ đầu tư phát triển	-	43.002.859.341	-	43.002.859.341
Quỹ dự phòng tài chính	-	21.313.447.579	-	21.313.447.579
Lợi nhuận chưa phân phối	44.087.662.993	91.106.206.081	15.313.894.906	150.507.763.980
	134.974.890.307	380.567.007.368	115.313.894.906	630.855.792.581

Lợi ích của cổ đông thiểu số

Chi tiết như sau:

Vốn điều lệ	26.051.763.989	90.702.736.704	-	116.754.500.693
Vốn thặng dư	-	721.172.704	-	721.172.704
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	14.845.685.500	-	-	14.845.685.500
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.326.336.336	-	4.326.336.336
Quỹ đầu tư phát triển	-	18.289.116.078	-	18.289.116.078
Quỹ dự phòng tài chính	-	9.064.609.255	-	9.064.609.255
Lợi nhuận chưa phân phối	19.838.573.842	38.747.469.446	-	58.586.043.288
	60.736.023.331	161.851.440.523	-	222.587.463.854

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	VT GAS VND	CNG VND	PV GAS SAIGON VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong năm	23.017.601.693	117.926.239.165	16.674.856.874	157.618.697.732
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	10.357.464.194	50.154.029.517	-	60.511.493.711

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, và cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm 2012 là 2%, năm 2011 là 2%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 29 và số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu khí hóa lỏng	4.726.380.295.849	4.188.698.690.706
Doanh thu xăng dầu nhớt	117.322.396.402	114.310.326.177
Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	15.795.149.676	13.094.789.954
Doanh thu khí CNG	1.565.196.782.560	1.481.556.888.346
Doanh thu khác	17.021.553.864	9.827.804.748
	6.441.716.178.351	5.807.488.499.931

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn kinh doanh khí hóa lỏng	4.251.122.370.648	3.844.497.827.028
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	114.272.262.967	110.689.882.714
Phân bổ vỏ bình gas	42.054.623.520	30.389.339.856
Giá vốn kinh doanh khí CNG	957.806.998.397	790.420.706.090
Giá vốn hoạt động khác	25.610.301.694	27.212.586.594
	5.390.866.557.226	4.803.210.342.282

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.603.026.547	355.482.556.445
Chi phí nhân công	158.267.290.179	120.083.701.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.151.554.895	187.048.343.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.309.224.545	257.053.296.828
Chi phí khác	87.789.867.814	52.765.367.875
	1.285.120.963.980	972.433.265.510

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.037.967.853	41.865.839.693
Cổ tức được chia	320.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.943.409.780	3.545.876.163
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.459.654.903
	40.301.377.633	48.871.370.759

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	117.545.628.974	122.025.373.076
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	26.820.754.050	255.120.438
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	822.234.537	3.524.765.673
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	560.034.544
Lỗ do đầu tư vào công ty con	-	5.932.672.372
Chi phí hoạt động tài chính khác	179.627.989	2.023.422.397
	145.368.245.550	134.321.388.500

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.666.561.924	14.229.669.957
Thu từ dịch vụ quản lý kho	4.261.782.336	4.616.930.864
Thu từ tiền đặt cọc vô bình do thanh lý hợp đồng đại lý	2.807.640.250	1.331.102.500
Phân bổ tiền ký quỹ, ký cược vô bình gas	16.422.599.980	12.492.339.721
Thu nhập khác	3.593.815.959	1.554.357.891
Tổng cộng	44.752.400.449	34.224.400.933
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	17.816.485.801	12.395.297.332
Giá trị còn lại của vô bình không hoàn lại do thanh lý hợp đồng đại lý	2.984.047.992	2.903.849.170
Chi phí khác	5.568.939.897	6.186.952.772
Tổng cộng	26.369.473.690	21.486.099.274
Lợi nhuận khác	18.382.926.759	12.738.301.659

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VND	2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp	42.987.648.648	47.980.018.621
Thuế TNDN bổ sung sau quyết toán	-	87.215.607
Thuế TNDN bổ sung sau kiểm toán Nhà nước	-	113.094.114
Thuế TNDN bổ sung cho hoạt động kinh doanh CNG	3.707.337.361	2.194.521.886
	46.694.986.009	50.374.850.228

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, công ty mẹ, có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 6 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được miễn thuế một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

chịu thuế. Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2012 được xem là năm thứ ba hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế. Vì thế, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam được hưởng ưu đãi thuế là giảm 50%. Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã xác định lại tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh CNG theo các quy định hiện hành là 25% trong suốt thời gian hoạt động, thay vì là 20% như trước đây. Vì vậy, Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung cho hoạt động kinh doanh khí CNG năm 2009 (năm bắt đầu hoạt động) và năm 2011.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam, công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông, các công ty con, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	151.278.923.575	238.459.677.837
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	151.278.923.575	238.459.677.837
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	38.000.000	36.586.497
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.981	6.518

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.055.919.334	2.722.194.323

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	6.457.498.192	5.728.779.165
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.142.794.442	13.264.703.674
Sau 5 năm	9.029.370.000	51.119.857.756
	20.629.662.634	70.113.340.595

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, xe, văn phòng và cơ sở hạ tầng, bao gồm:

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Tỉnh Quảng Ngãi với giá thuê hàng tháng là 2.160 Đô la Mỹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 1 tháng 11 năm 2010.
- Tổng số tiền thuê xe với giá thuê hàng tháng là 8.500 Đô la Mỹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 1 tháng 7 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

- Tổng số tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m² theo hợp đồng thuê số 41/HDT/TLD/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê 13.180 m² đất tại cảng Đồng Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 4,95 đô la Mỹ/m² từ ngày 1 tháng 5 năm 2007 đến ngày 30 tháng 4 năm 2008 và sẽ tăng hàng năm với tỷ lệ là 1% cho đến ngày 30 tháng 4 năm 2012. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 20 năm tính từ năm 1994.
- Tổng số tiền thuê 5.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 0,82 đô la Mỹ/m². Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 13 năm tính từ ngày 1 tháng 7 năm 2002.
- Tổng số tiền thuê văn phòng 247 m² tại tòa nhà Waseco, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê hàng tháng là 331.810 đồng/m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2011.
- Tổng số tiền thuê đất 100 m² tại Tỉnh Quảng Trị với giá thuê hàng tháng là 8.500.000 đồng/m². Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2011 đến ngày 1 tháng 3 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê xe với giá thuê hàng tháng là 1.500 Đô la Mỹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 20 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ, ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 25, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền như đã trình bày tại Thuyết minh số 5), và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản vay	776.118.602.757	978.983.321.839
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(443.037.391.545)	(586.256.079.122)
Nợ thuần	333.081.211.212	392.727.242.717
Vốn chủ sở hữu	1.032.955.548.029	967.452.335.055
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0.32	0.41

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.037.391.545	586.256.079.122
Các khoản đầu tư	128.900.000.000	148.510.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	517.800.394.126	583.394.308.485
Các khoản ký quỹ	22.536.209.335	28.148.107.993
Tổng cộng	1.112.273.995.006	1.346.308.495.600
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	860.614.123.095	1.101.124.021.625
Chi phí phải trả	18.861.514.099	22.045.662.630
Các khoản vay	776.118.602.757	978.983.321.839
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	159.009.870.154	158.944.937.604
Tổng cộng	1.814.604.110.105	2.261.097.943.698

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm có rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	6.680.258.146	14.934.307.381	10.006.539.237	10.473.212.254
Euro (EUR)	1.000.005.087	165.477.275	29.429.044.908	62.444.457.077

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LÔNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	332.628.109	446.109.513
Euro (EUR)	2.842.903.982	6.227.897.980
	<u>3.175.532.091</u>	<u>5.781.788.467</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng hợp số liệu của khoản tài sản tài chính hưởng lãi (các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn) của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 5, số 6 và số 16 của Thuyết minh này. Chính sách của công ty là duy trì các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn hưởng lãi suất cố định.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm/tăng 15.522.372.055 đồng (2011: 19.579.666.437 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc đánh giá rằng, tại ngày kết thúc niên độ kế toán, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông

7236
TY
AN
ANH
LON
AM
5 CH
030
CÔ
CÔ
KINH
HÍ H
MI
1-1
11250
CHI N
CÔN
CH NH
JELC
VIET
1-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	443.037.391.545	-	-	443.037.391.545
Các khoản đầu tư	68.900.000.000	60.000.000.000	-	128.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	517.800.394.126	-	-	517.800.394.126
Các khoản ký quỹ	1.837.810.091	20.698.399.244	-	22.536.209.335
Tổng cộng	1.031.575.595.762	80.698.399.244	-	1.112.273.995.006

31/12/2012				
Phải trả người bán và phải trả khác	860.614.123.095	-	-	860.614.123.095
Chi phí phải trả	18.861.514.099	-	-	18.861.514.099
Các khoản vay	451.274.471.753	324.844.131.004	-	776.118.602.757
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	159.009.870.154	159.009.870.154
Tổng cộng	1.330.750.108.947	324.844.131.004	159.009.870.154	1.814.604.110.105
Chênh lệch thanh khoản thuần	(299.174.513.185)	(244.145.731.760)	(159.009.870.154)	(702.330.115.099)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	586.256.079.122	-	-	586.256.079.122
Các khoản đầu tư	108.510.000.000	40.000.000.000	-	148.510.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	583.394.308.485	-	-	583.394.308.485
Các khoản ký quỹ	7.368.708.749	20.779.399.244	-	28.148.107.993
Tổng cộng	1.285.529.096.356	60.779.399.244	-	1.346.308.495.600

31/12/2011				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.101.124.021.625	-	-	1.101.124.021.625
Chi phí phải trả	22.045.662.630	-	-	22.045.662.630
Các khoản vay	372.992.322.969	605.990.998.870	-	978.983.321.839
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	158.944.937.604	158.944.937.604
Tổng cộng	1.496.162.007.224	605.990.998.870	158.944.937.604	2.261.097.943.698
Chênh lệch thanh khoản thuần	(210.632.910.868)	(545.211.599.626)	(158.944.937.604)	(914.789.448.098)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 39. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	3.381.089.171	2.460.111.478
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	69.826.823	1.714.920
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	4.261.782.338	5.050.335.188
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Biển	120.747.354	31.749.302
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	1.125.697.876	4.096.359
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	156.203.820	28.699.199
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	302.865.216.146	2.195.900.000
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	912.068.633	123.673.439
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	12.682.148.173	44.035.214
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.742.310.317	19.771.618

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Dịch vụ Khí	1.287.840.204	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	510.141.600	42.914.363
Nhà máy đạm Phú Mỹ	1.499.578.182	19.376.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	1.255.252.724	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.480.067.954	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần -	-	991.924.540
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	203.271.801.725	2.025.912.903

Mua hàng và dịch vụ

Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần -	1.611.843.437.644	1.891.241.273.837
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	-	-
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	102.929.807.818	105.983.009.272
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	8.704.043.808	1.381.805.625
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	855.366.022	1.086.727.580
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Khí Vũng Tàu	87.016.803.636	-
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	279.529.375.694	310.510.289.468
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Biển	1.521.602.595	1.108.996.281
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	658.525.909	217.230.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Phí nhãn hiệu)	3.618.104.578	11.246.217.156
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	465.175.913.065	350.131.766.612
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	2.705.237.637.103	1.813.177.969.018
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu khí	-	15.920.319.761
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	2.851.085.905
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	46.105.883.196

Thu nhập của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc	5.640.186.892	3.585.052.579
---	----------------------	----------------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	26.327.420.937	18.793.092.565
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí	11.039.000	2.158.712
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	388.120.725	50.021.100
Công ty Cổ phần TMDV Dầu khí Miền Trung	218.622.060	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	30.395.794	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	121.224.400	2.962.447
Công ty Dịch vụ Khí	64.487.525	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	135.280.000	-
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	22.802.750	331.208
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Bắc	225.761.048	167.344.013

Phải thu khác

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	11.374.000.000	11.374.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	8.322.775	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.090.877.209	1.090.877.209

236
Y
N
NH
ONG
M
CHỈ N
12-C
H
JHAN
E
1
HIM

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Lầu 4, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Phải trả**

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- <i>Vay dài hạn và ngắn hạn</i>	375.000.000.000	569.685.661.972
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
- <i>Phí sử dụng nhãn hiệu</i>	-	2.249.243.431
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	222.078.317.215	400.594.392.693
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí		
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	5.288.289.441	18.755.114.942
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Trung	84.936.000	138.765.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Vũng Tàu	1.294.168.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	78.408.552	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	326.363.054	-
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	60.341.347.296	96.905.438.299
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	207.837.217.224	147.400.074.566
- Chi nhánh Vũng Tàu		
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	768.126.145	3.768.126.145
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cừu Long	657.066.463	-
Công ty Bảo Hiểm Dầu khí Vũng Tàu	-	21.731.491
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam -	-	31.522.060
Công ty Cổ phần		
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	302.308.348.438	281.560.510.742
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	85.300.000.000	124.000.000.000

40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 2 năm 2013.



Lưu Trọng Nghĩa
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

